

CHỈ SỐ CÔNG TƠ VÀ SỐ ĐIỆN SỬ DỤNG KTX K1
Tháng 4/2015

STT	Số phòng	Số SV ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (1.786*10%)	Thành tiền	Ghi chú
1	101	Phòng trực Y tế	3.372	3.409				
2	102	5	3.790	3.904	114	1.965	223.964	
3	103	8	5.349	5.480	131	1.965	257.363	
4	104	6	3.904	3.956	52	1.965	102.159	
5	105	7	3.697	3.821	124	1.965	243.610	
6	106	8	3.136	3.233	97	1.965	190.566	
7	107	PSHC	1.544	1.565		1.965	0	
8	108		1.489	1.514		1.965	0	
9	109	4	1.803	1.866	63	1.965	123.770	
10	110	7	2.438	2.550	112	1.965	220.035	
11	111	6	2.267	2.356	89	1.965	174.849	
12	112	8	4.149	4.291	142	1.965	278.973	
13	113	7	3.096	3.235	139	1.965	273.079	
14	114	6	3.808	3.913	105	1.965	206.283	
15	201	6	2.289	2.317	28	1.965	55.009	
16	202	5	4.536	4.609	73	1.965	143.416	
17	203	3	3.348	3.411	63	1.965	123.770	
18	204	8	6.147	6.257	110	1.965	216.106	
19	205	8	4.678	4.679	1	1.965	1.965	
20	206	8	4.510	4.519	9	1.965	17.681	
21	207	4	2.573	2.603	30	1.965	58.938	
22	208	8	4.686	4.806	120	1.965	235.752	
23	209	8	4.557	4.619	62	1.965	121.805	
24	210	7	4.975	5.086	111	1.965	218.071	
25	211	7	4.565	4.689	124	1.965	243.610	
26	212	8	5.732	5.853	121	1.965	237.717	
27	213	8	5.317	5.565	248	1.965	487.221	
28	214	8	5.233	5.371	138	1.965	271.115	
29	301	1 SV ẩn dật	3.743	3.743	0	1.965	0	
30	302	8	5.197	5.336	139	1.965	273.079	
31	303	7	4.654	4.807	153	1.965	300.584	
32	304	7	3.880	4.184	304	1.965	597.238	
33	305	7	4.759	4.910	151	1.965	296.655	
34	306	3	3.974	4.070	96	1.965	188.602	
35	307	PSHC	604	626		1.965	0	
36	308		510	526		1.965	0	
37	309	8	4.147	4.265	118	1.965	231.823	

38	310	7		5.460	5.603	143	1.965	280.938	
39	311	0		3.459	3.459	0	1.965	0	
40	312	8		3.729	3.969	240	1.965	471.504	
41	313	7		4.824	4.946	122	1.965	239.681	
42	314	7		5.552	5.619	67	1.965	131.628	
43	401	8		2.882	2.991	109	1.965	214.141	
44	402	8		3.593	3.661	68	1.965	133.593	
45	403	3		2.748	2.818	70	1.965	137.522	
46	404	7		2.845	2.913	68	1.965	133.593	
47	405	6		3.800	3.900	100	1.965	196.460	
48	406	6		6.000	6.079	79	1.965	155.203	
49	407	8		5.076	5.206	130	1.965	255.398	
50	408	7		3.112	3.238	126	1.965	247.540	
51	409	8		4.422	4.577	155	1.965	304.513	
52	410	8		2.568	2.673	105	1.965	206.283	
53	411	8		4.302	4.397	95	1.965	186.637	
54	412	5		5.455	5.622	167	1.965	328.088	
55	413	0		3.652	3.652	0	1.965	0	
56	414	7		4.129	4.268	139	1.965	273.079	
57	501	6		2.039	2.154	115	1.965	225.929	
58	502	7		4.132	4.243	111	1.965	218.071	
59	503	8		1.807	1.843	36	1.965	70.726	
60	504	8		2.013	2.139	126	1.965	247.540	
61	505	8		2.245	2.391	146	1.965	286.832	
62	506	1	SVNN TT	3.540	3.632	92	1.965	180.743	
63	507	3	CPC	1.479	1.518	39	1.965	76.619	
64	508	1	SVNN TT	5.229	5.247	18	1.965	35.363	
65	509	1	SVNN TT	2.754	2.754	0	1.965	0	
66	510	4		2.918	3.016	98	1.965	192.531	
67	511	8		5.641	5.834	193	1.965	379.168	
68	512	8		2.909	2.995	86	1.965	168.956	
69	513	1		2.822	2.875	53	1.965	104.124	
70	514	8		4.251	4.380	129	1.965	253.433	
Cộng		399				6.592		12.950.643	

(Bảng chữ: Mười hai triệu chín trăm năm mươi nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng)

Trong đó: - Nhà trường hỗ trợ cho sinh viên nước ngoài thực tập là 500.000 đ/phòng

- Số tiền phải nộp là: 8.688.108 đồng

PHÒNG QUẢN TRỊ PV TT DV TỔNG HỘI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KTX

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP



ThS Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng Trần Xuân Nam

Đào Việt Hòa

Trần Thị Hà